

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 21- 4 - 2022.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Phương và bà Đoàn Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Thiệu Thị T1, sinh năm 1986.

Nơi ĐKNKTT: tổ 6, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: thôn NP, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Đình Xuân T2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ 6, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được T1 thập trong hồ sơ vụ án chị Thiệu Thị T1 có quan điểm:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đình Xuân T2 lấy nhau có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện của hai bên vào ngày 17/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TL (nay là phường TT, thành phố PL), tỉnh Hà Nam sau thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 03 tháng. Việc kết hôn cũng được gia đình hai bên cho tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chị chung sống tại tổ 6, phường TT cùng bố mẹ anh T2. Quá trình chung sống trong thời gian mấy năm đầu nhìn chung tương đối hòa thuận mặc dù có những lúc hai bên có xảy ra mâu thuẫn xong lại thôi nhưng mấy năm trở lại đây thì vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T2 không còn tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, ham chơi dẫn đến mắc nợ nần. Bản thân chị đã khuyên can nhưng anh

T2 không thay đổi nên mọi cố gắng của chị vì gia đình, các con chung nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị hay xảy ra cãi vã dẫn đến hai bên không còn hợp nhau về cách sống, quan điểm sống nên vợ chồng không thể có tiếng nói chung trong cuộc sống nữa. Chính vì vậy, từ tháng 12 năm 2020 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị không sống tại nhà anh T2 nữa mà về ở tại nhà bố mẹ đẻ chị tại xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm nên hai bên chấm dứt quan hệ vợ chồng và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn của vợ chồng không thể khắc phục được để duy trì mối quan hệ hôn nhân nên chị đã suy nghĩ rất kỹ để đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Xuân T2.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Đinh Thục A, sinh ngày 06/3/2011 (con gái), cháu Đinh Khánh V, sinh ngày 21/5/2012 (con gái) và cháu Đinh Phúc N, sinh ngày 06/7/2021 (con trai) do chị nuôi dưỡng các cháu từ khi vợ chồng chị sống ly thân. Hiện tại chị đang làm giáo viên thu nhập từ lương và làm thêm chị vẫn đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cả ba con chung. Mặt khác, hai cháu Thục A, Khánh V đang học ổn định tại trường tiểu học B Tân Thanh và cháu Phúc N còn rất nhỏ nên các cháu rất cần sự chăm sóc, kèm cặp của chị. Vì vậy, khi ly hôn chị tha thiết xin nuôi cả 03 con chung và nếu được nuôi các con chung chị không đề nghị anh T2 cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có nên chị không đề nghị giải quyết. Hiện chị không có thai nghén gì cả.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có nên chị không đề nghị giải quyết.

* Bị đơn anh Đinh Xuân T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần, nhưng anh T2 không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Do vậy, không có quan điểm của anh Đinh Xuân T2.

* Nguyên vọng của cháu Đinh Thục A: Hiện nay cháu đang ở với mẹ cháu và cháu đang học lớp 5 tại trường tiểu học B Tân Thanh, huyện Thanh Liêm. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với bố cháu.

* Nguyên vọng của cháu Đinh Khánh V: Hiện nay cháu đang ở với mẹ cháu và cháu đang học lớp 4 tại trường tiểu học B Tân Thanh, huyện Thanh Liêm. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với mẹ cháu.

* Ý kiến của ông Đinh Văn Thanh và bà Nguyễn Thị Hồng (bố mẹ đẻ anh Đinh Xuân T2): Sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức cưới cho vợ chồng anh T2, chị T1 thì vợ chồng anh chị sống cùng với ông bà. Quá trình sống, ông bà thấy hai bên không có mâu thuẫn gì to lớn mà do anh T2 có mắc nợ nần. Nay chị T1 xin ly hôn anh T2, bản thân ông bà không mong muốn vợ chồng các con ly hôn nên ông bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị T1, anh T2 có 03 con chung do chị T1 đang nuôi dưỡng nên ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng các cháu theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị T1, anh T2 không có và cũng không có vướng mắc gì cả.

* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân phường Thanh Tuyền: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng chị T1, anh T2 theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể anh Đinh Xuân T2 không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải, tại các phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Thiệu Thị T1.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Thiệu Thị T1 và anh Đinh Xuân T2.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Khánh V và cháu Đinh Phúc N cho chị Thiệu Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đinh Thực A cho anh Đinh Xuân T2 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T2, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đinh Xuân T2 có nơi cư trú tại tổ 6, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Thiệu Thị T1 và anh Đinh Xuân T2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Thiệu Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đinh Xuân T2 vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không có lý do nhưng trước đó anh T2 cũng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 12/4/2022 không có lý do nên việc xét xử vắng mặt anh T2 tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Thiệu Thị T1 và anh Đinh Xuân T2 có đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TL (nay là phường TT, thành phố PL), tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện nên đã thỏa mãn với điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Thiệu Thị T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau trong thời gian đầu tương đối hòa thuận nhưng sau đó đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ban đầu là do anh T2 ham chơi dẫn đến nợ nần nên hai bên bất đồng về quan điểm sống, cách sống và không thể có tiếng nói chung, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ anh T2 nhiều lần để tham gia các buổi làm việc, các phiên họp hoà giải nhưng anh T2 đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay anh T2 vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó, chứng tỏ anh T2 không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Quá trình giải quyết, hoà giải, Tòa án đã phân tích và khuyên chị T1 nhưng chị T1 vẫn cương quyết xin ly hôn anh T2. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Đinh Thực A, sinh ngày 06/3/2011 (con gái), cháu Đinh Khánh V, sinh ngày 21/5/2012 (con gái) và cháu Đinh Phúc N, sinh ngày 06/7/2021 (con trai). Xét nguyện vọng của chị T1, các cháu Thực A, Khánh V, Hội đồng xét xử thấy: Thực tế từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân chị T1 là người nuôi dưỡng cả ba con chung nên nguyện vọng muốn được nuôi cả 03 con chung của chị T1 là chính đáng thể hiện tình yêu thương và trách nhiệm của người mẹ với các con, nhưng vợ chồng anh chị có 3 con chung thì cả hai bên đều phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Thực A khi bố mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn ở với bố cháu (anh T2). Vì vậy, cần giao cho chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Khánh V, Phúc N và giao anh T2 nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thực A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị T1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T1, anh T2 thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa: Chị Thiệu Thị T1 và anh Đình Xuân T2.

[2] Về con chung: Giao anh Đình Xuân T2 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đình Thục A, sinh ngày 06/3/2011 (con gái), cho đến khi cháu Đình Thục A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao chị Thiệu Thị T1 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đình Khánh V, sinh ngày 21/5/2012 (con gái) và cháu Đình Phúc N, sinh ngày 06/7/2021 (con trai), cho đến khi các cháu Đình Khánh V, Đình Phúc N trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thiệu Thị T1 phải nộp là 300.000đ. Chị T1 được đối trừ với 300.000đ, mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000310 ngày 24/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T1 đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T1, anh T2 đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Xuyên